

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/8/2020
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Bà Thái Thị Dung

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Kiều L** – sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Thành** – sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/12/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị Kiều L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà, năm 2013 vợ chồng bà có đến UBND thị trấn H để đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013, quyển số I/2013, ngày 25/02/2013).

Sau khi xác lập quan hệ, vợ chồng bà sống tại nhà cha mẹ bà, cuộc sống chung vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân ông T thường sử dụng ma túy, không quan tâm gì đến vợ con, đồng thời kiếm chuyện gây gổ và còn hăm dọa nếu bà đi chơi đâu ông T bắt gặp thì đánh bà, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, bà không thể chịu đựng được cách sống của ông T. Đến tháng 01 năm 2019 vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ và không thể hàn gắn lại được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung: Nguyễn Dương S, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Dương Anh G, sinh ngày 06/10/2014, hiện nay các con đang ở với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đề tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không ghi được lời khai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Kiều L. Bà Dương Thị Kiều L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung: Nguyễn Dương S, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Dương Anh G, sinh ngày 06/10/2014 đến khi trưởng thành.

- Về án phí: bà Dương Thị Kiều L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt cũng như không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Văn T, do ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Dương Thị Kiều L và ông Nguyễn Văn T được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên sử dụng ma túy, kiếm chuyện gây gỗ, chửi mắng và còn hăm dọa đánh đập bà, bà đã cố gắng chịu đựng và khuyên ông T nhưng ông T không thay đổi bà không thể chịu đựng được nữa. Đến tháng 01 năm 2019 bà và ông T chính thức chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Bà L xác nhận không còn tình cảm với ông T nữa, nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Xét thấy, bà Laon và ông T đã ly thân nhau một thời gian dài, từ khi ly thân nhau bà L và ông T không tự tìm phương án hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ đối với vợ con. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông T đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L.

[3] Về con chung: Tại tòa bà L yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà và ông T ly thân nhau thì bà L là người trực tiếp nuôi con chung, ông Thanh bỏ mặc con không có trách nhiệm với con cái. Chứng tỏ, ông đã vi phạm nghĩa vụ đối với các con, tại tòa bà L cam đoan sẽ lo cho các con có một sống đầy đủ về mọi mặt, đồng thời nguyện vọng của con xin được ở với mẹ, vì vậy giao cho bà L nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp hơn. Giao con chung Nguyễn Dương Anh S và Nguyễn Dương Anh G cho bà L nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành; Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc nuôi con đối với ông T.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Kiều L. Bà Dương Thị Kiều L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung: Nguyễn Dương S, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Dương Anh G, sinh ngày 06/10/2014 đến khi trưởng thành.

Bà L không được cản trở ông T việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[4] Về án phí: bà Dương Thị Kiều L phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà L đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0029844 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà L đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lầy